

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 88/2025/HS-ST

Ngày: 28 - 3 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Nguyên

2/ Ông Đặng Văn Ân

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại Phòng xét xử hình sự thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2025/TLST - HS ngày 15/01/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST - HS ngày 26/02/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Hữu T; giới tính: Nam; sinh năm 1991; nơi sinh: Tại Thành phố Hà Nội; hộ khẩu thường trú: Đội 8 M, xã Vạn T, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội; chỗ ở: 209/19, đường số 8, Khu phố 29, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (tại phiên tòa bị cáo cung cấp Giấy xác nhận thay đổi chỗ ở hiện tại: 276/8 Liên khu 4 – 5 Khu phố A, phường Bình H, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Không; họ tên cha: Lê Hữu M; họ tên mẹ: Phùng Thị T; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ tên Sơn Thị Hồng C và có 01 người con sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/9/2024 đến ngày 24/12/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Đào Thị M, sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 1B22/4 ấp 5 (ấp 1 cũ), xã Phạm V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Quốc P , sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã Văn T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

3. Ông Trương Tấn P , sinh năm: 1998 (vắng mặt).

Nơi cư trú: E1/17A, ấp 53, xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Tống Duy L , sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 373/1/171I Lý T, Phường 9, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Nguyễn Đình T , sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 117/17A Hồ V, phường T, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Diệp H , sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 263/15 Liên khu 4-5, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Nguyễn Văn T , sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 17/2/6 đường Liên khu 5-6, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông Thạch Minh T1 , sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Nhà trọ ấp 20, xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Ông Hồ Minh P , sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Nhà không số, ấp 22, xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Ông Nguyễn Tiến L , sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: C19/4 ấp 27 (tổ 12, ấp 3 cũ), xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Ông Nguyễn Thành Â , sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Nhà trọ không số, ấp 38 (tổ 15, ấp 4) xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Ông Lê Thanh N , sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 198C G, phường Bình H, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Ông Trần Văn N , sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 122 đường 26-3, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Ông Lê Minh Đ , sinh năm 2000 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Tăng C, xã Đ, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 00 ngày 30/7/2024, Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh đi tuần tra đến trước nhà số 411 đường Liên ấp 2 - 6, ấp 14, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh phát hiện Lê Minh Đ điều khiển xe mô tô biển số 67E1-292.46 chở Lê Hữu T có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra điện thoại của T phát hiện có nhiều tin nhắn liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng nên Công an xã mời T và Đức về trụ sở để làm rõ.

Quá trình điều tra xác định: Lê Hữu T đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất từ 283% đến 365% để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

Đối với Nguyễn Thành Â : Ngày 03/02/2024, T cho Ân vay 3.000.000 đồng, lãi suất 304%/năm, mỗi ngày góp 150.000 đồng, góp trong 24 ngày. Tổng số tiền phải trả là 3.600.000 đồng, T cho vay và thu tiền góp bằng tiền mặt, T đã thu 3.600.000 đồng, tiền lãi 600.000 đồng, thu lợi bất chính 560.548 đồng.

Đối với Nguyễn Tiến L : Ngày 04/5/2024, T cho Lâm vay 10.000.000 đồng, lãi suất 304%/năm, mỗi ngày góp 500.000 đồng, góp trong 24 ngày. Tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng, T cho vay và thu tiền góp bằng tiền mặt, T đã thu 12.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000 đồng, thu lợi bất chính 1.868.493 đồng.

Đối với Trương Tấn P : Ngày 04/10/2022, T cho Phát vay 5.000.000 đồng, lãi suất 304%/năm, mỗi ngày góp 250.000 đồng, góp trong 24 ngày, phí hồ sơ 500.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 6.500.000 đồng, T đã thu 4.000.000 đồng, tiền lãi 583.333 đồng, thu lợi bất chính 1.044.977 đồng.

Đối với Thạch Minh T1 , T cho T1 vay 02 lần cụ thể như sau:

Ngày 02/5/2024, T cho T vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, lãi suất 304%/năm, góp trong 24 ngày. Tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, T đã thu 6.000.000 đồng, tiền lãi 1.000.000 đồng, thu lợi bất chính 934.247 đồng.

Ngày 29/7/2024, T tiếp tục cho T vay 4.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày góp 200.000 đồng, góp trong 25 ngày. Tổng số tiền phải trả là 5.000.000 đồng. T đã thu 1.000.000 đồng, tiền lãi 200.000 đồng, thu lợi bất chính 189.041 đồng. Trong hai lần vay trên T cho T vay tiền và T trả góp bằng tiền mặt.

Đối với Hồ Minh P : T cho Phong vay 04 lần cụ thể như sau:

Ngày 03/9/2021, T cho Phong vay 10.000.000 đồng, lãi suất 283%/năm, mỗi ngày góp 400.000 đồng, góp trong vòng 31 ngày, phí hồ sơ 400.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 12.800.000 đồng, T đã thu 12.800.000 đồng, tiền lãi 2.400.000 đồng, thu lợi bất chính 2.630.137 đồng.

Ngày 03/10/2021, T cho Phong vay 10.000.000 đồng, lãi suất 283%/năm, mỗi ngày góp 400.000 đồng, góp trong vòng 31 ngày, phí hồ sơ 400.000 đồng. Tổng số

tiền phải trả là 12.800.000 đồng, T đã thu 12.800.000 đồng, tiền lãi 2.400.000 đồng, thu lợi bất chính 2.630.137 đồng.

Ngày 03/11/2021, T cho Phong vay 10.000.000 đồng, lãi suất 283%/năm, mỗi ngày góp 400.000 đồng, góp trong vòng 31 ngày, phí hồ sơ 400.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 12.800.000 đồng, T đã thu 12.800.000 đồng, tiền lãi 2.400.000 đồng, thu lợi bất chính 2.630.137 đồng.

Ngày 15/7/2024, Phong vay của T 10.000.000 đồng, lãi suất 283%/năm, mỗi ngày góp 400.000 đồng, góp trong vòng 31 ngày, phí hồ sơ 400.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 12.800.000 đồng, T đã thu 6.000.000 đồng, tiền lãi 1.161.290 đồng, thu lợi bất chính 1.479.099 đồng.

Đối với Nguyễn Văn T : Ngày 15/7/2024, T cho Tùng vay 8.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày góp 400.000 đồng trong vòng 25 ngày. Tổng số tiền phải trả là 10.000.000 đồng, T cho vay và thu tiền góp qua chuyển khoản. T đã thu được 6.400.000 đồng, tiền lãi 1.280.000 đồng, thu lợi bất chính 1.209.863 đồng.

Đối với Diệp H : Cuối tháng 07/2023, tháng 09/2022, tháng 02/2024, tháng 04/2014, T cho Hùng vay tổng cộng 20.000.000 đồng, lãi suất 304%/năm, mỗi ngày góp 250.000 đồng trong vòng 24 ngày. Tổng số tiền phải trả là 24.000.000 đồng, T đã thu 24.000.000 đồng, tiền lãi 4.000.000, thu lợi bất chính 3.736.999 đồng.

Đối với Nguyễn Đình T : T cho Toàn vay 02 lần như sau:

Tháng 04/2023, T cho Toàn vay 20.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng trong 25 ngày, phí hồ sơ 2.000.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 27.000.000 đồng, T đã thu 27.000.000 đồng, tiền lãi 5.000.000 đồng, thu lợi bất chính 6.726.027 đồng.

Ngày 22/7/2024, T cho Toàn vay 15.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày góp 750.000 đồng trong 25 ngày, phí hồ sơ 1.500.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 20.250.000 đồng, T đã thu 6.750.000 đồng, tiền lãi 1.050.000 đồng, thu lợi bất chính 2.492.466 đồng.

Đối với Nguyễn Quốc P : T cho Phi vay 04 lần cụ thể như sau:

Ngày 26/04/2024, T cho Phi vay 7.000.000 đồng, lãi suất 348%/năm, mỗi ngày góp 300.000 đồng trong 30 ngày. Tổng số tiền phải trả là 9.000.000 đồng. T đã thu 9.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000 đồng, thu lợi bất chính 1.884.932 đồng.

Ngày 23/05/2024, T cho Phi vay 10.000.000 đồng, lãi suất 319%/năm, mỗi ngày góp 400.000 đồng trong 32 ngày. Tổng số tiền phải trả là 12.800.000 đồng. T đã thu 12.800.000 đồng, tiền lãi 2.800.000 đồng, thu lợi bất chính 2.624.658 đồng.

Ngày 22/06/2024, T cho Phi vay 10.000.000 đồng, lãi suất 319%/năm, mỗi ngày góp 400.000 đồng trong 32 ngày. Tổng số tiền phải trả là 12.800.000 đồng. T đã thu 12.800.000 đồng, tiền lãi 2.800.000 đồng, thu lợi bất chính 2.624.658 đồng.

Ngày 23/07/2024, T cho Phi vay 10.000.000 đồng, lãi suất 319%/năm, mỗi ngày góp 400.000 đồng trong 32 ngày. Tổng số tiền phải trả là 12.800.000 đồng. T đã thu 4.000.000 đồng, tiền lãi 875.000 đồng, thu lợi bất chính 820.205 đồng.

Đối với Tổng Duy L: Ngày 21/02/2024, T cho Linh vay 20.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng trong 25 ngày, phí hồ sơ 2.000.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 27.000.000 đồng, T đã thu 14.000.000 đồng, tiền lãi 2.400.000 đồng, thu lợi bất chính 4.268.493 đồng.

Đối với Lê Thanh N : Tháng 07/2024, T cho Nhân vay 9.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày góp 450.000 đồng trong 25 ngày, phí hồ sơ 450.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 11.250.000 đồng, T đã thu 3.150.000 đồng, tiền lãi 540.000 đồng, thu lợi bất chính 960.411 đồng.

Đối với Trần Văn N : Ngày 14/7/2024, T cho Nền vay 20.000.000 đồng, lãi suất 304%/năm, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng trong 24 ngày, phí hồ sơ 500.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 24.500.000 đồng. T đã thu 16.000.000 đồng, tiền lãi 2.666.667 đồng, thu lợi bất chính 2.991.324 đồng.

Đối với Đào Thị M : T cho M vay tiền cụ thể như sau:

Từ ngày 30/4/2022 đến ngày 02/8/2022, T cho M vay 03 lần mỗi lần 30.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày góp 1.500.000 đồng trong 75 ngày, tổng số tiền phải trả là 112.500.000 đồng. T đã thu 112.500.000 đồng, tiền lãi 22.500.000 đồng, thu lợi bất chính 21.267.123 đồng.

Từ ngày 15/05/2022 đến ngày 02/8/2024, T cho M vay 04 lần mỗi lần 20.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng trong 100 ngày, phí hồ sơ 500.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 100.500.000 đồng. T đã thu 100.500.000 đồng, tiền lãi 20.000.000 đồng, thu lợi bất chính 19.404.110 đồng.

Từ ngày 31/05/2022 đến ngày 02/8/2024, T cho M vay 02 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày góp 500.000 đồng trong 50 ngày, tổng số tiền phải trả là 25.000.000 đồng. T đã thu 25.000.000 đồng, tiền lãi 5.000.000 đồng, thu lợi bất chính 4.726.027 đồng.

Ngày 22/09/2022, T cho M vay 40.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày góp 2.000.000 đồng trong 25 ngày. Tổng số tiền phải trả là 50.000.000 đồng. T đã thu 50.000.000 đồng, tiền lãi 10.000.000 đồng, thu lợi bất chính 9.452.055 đồng.

Ngày 29/10/2022, T cho M vay 04 lần, mỗi lần 60.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày góp 3.000.000 đồng trong 100 ngày. Tổng số tiền phải trả là 300.000.000 đồng. T đã thu 300.000.000 đồng, lãi 60.000.000 đồng, thu lợi bất chính 56.712.329 đồng.

Ngày 02/3/2023, T cho M vay 100.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày góp 5.000.000 đồng trong 25 ngày, phí hồ sơ 5.000.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 130.000.000 đồng. T đã thu 130.000.000 đồng, tiền lãi 25.000.000 đồng, thu lợi bất chính 28.630.137 đồng.

Ngày 14/4/2023, T cho M vay 100.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày góp 5.000.000 đồng trong 25 ngày, phí hồ sơ 5.000.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 130.000.000 đồng. T đã thu 130.000.000 đồng, tiền lãi 25.000.000 đồng, thu lợi bất chính 28.630.137 đồng.

Như vậy, tổng tiền T thu lợi bất chính của những người vay là 213.128.756 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Hữu T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của những người vay tiền và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro màu xanh mà T sử dụng để liên lạc với những người vay tiền. Số tiền 1.800.000 đồng thu giữ của Lê Hữu T

Tại bản Cáo trạng số 59/CT – VKS - HS ngày 10 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố bị cáo Lê Hữu T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, lời khai tại Cơ quan điều tra những người này yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu nhập bất chính mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Phạt bổ sung bị cáo và xử lý trách nhiệm dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Hữu T tại tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (BL: 480 – 497); phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Thành Á , ông Nguyễn Tiến L , ông Trương Tấn P , ông Thạch Minh T1 , ông Hồ Minh P , ông Nguyễn Văn T , ông Diệp H , ông Nguyễn Đình T , ông Nguyễn Quốc P , ông Tống Duy L , ông Trần Văn N , ông Lê Thanh N và bà Đào Thị M (BL: 91- 97, 111 – 115, 151 – 153, 180 -181, 234 – 236, 262 – 266, 286 – 292, 305 – 308, 316 – 318, 349, 351 – 352, 364 – 366,

375 – 378, 400 – 402); phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố. Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Quá trình điều tra, qua thẩm tra, xét hỏi công khai tại phiên tòa cùng các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Trong thời gian từ năm 2021 đến năm 2024, trên địa bàn huyện Bình Chánh, quận Bình Tân và quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị cáo Lê Hữu T đã có hành vi cho 13 người vay tiền với lãi suất thỏa thuận từ 283%/năm đến 365%/năm, lãi suất mà bị cáo cho vay vượt gấp 5 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự cho phép là 20% để hưởng tổng số tiền thu lợi bất chính là 213.128.756 như nội dung Cáo trạng truy tố.

[3] Với những tình tiết được chứng minh tại phiên tòa Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Hữu T đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội phạm được quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tội danh nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo còn mang tính chất bóc lột làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng nhiều lúc phải bán tài sản để trả nợ gây mất an ninh trật tự tại địa phương và là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình, bị cáo biết việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trái pháp luật, Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì vụ lợi mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Số tiền thu nhập bất chính của bị cáo trên 100.000.000 đồng (213.128.756 đồng) đây là thuộc trường hợp định khung hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo và khi lượng hình cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; hiện là lao động chính duy nhất trong gia đình; trong thời gian dịch bệnh Covid bị cáo tham gia, đóng góp cho địa phương; tại phiên tòa bị cáo đề nghị được khắc phục trả lại toàn bộ số tiền thu nhập bất chính cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt được quy định tại điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Với những nhận định tại đoạn [6] và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đã bị tạm giam một thời gian từ ngày 16/9/2024 đến ngày 24/12/2024 cũng đủ sức răn đe, giáo dục. Để tạo điều kiện cho bị cáo ở ngoài xã hội làm ăn, sinh sống nuôi vợ con, Hội đồng xét xử không cần buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo

được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách nhất định, giao bị cáo về chính quyền địa phương giám sát, giáo dục theo đề nghị của Viện kiểm sát là thỏa đáng.

[8] Đối với ông Lê Minh Đ qua điều tra xác định: Ông Đ hành nghề chạy xe ôm, ngày bị bắt quả tang bị cáo T thuê ông Đ chở đến gặp người quen, bị cáo không nói và ông Đ không biết việc bị cáo cho người khác vay tiền nên không có căn cứ xác định ông Đ đồng phạm với bị cáo. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro màu xanh, đây là tài sản của bị cáo nhưng bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, Hội đồng xét xử tuyên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 1.800.000 đồng thu giữ của bị cáo cần giữ lại để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo trong vụ án này.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, cùng các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa thì xác định: Bị cáo Lê Hữu T khai nhận tổng số tiền vốn vay và tiền lãi người vay là ông Nguyễn Thành A , ông Nguyễn Tiến L , ông Trương Tấn P , ông Thạch Minh T1 , ông Hồ Minh P , ông Nguyễn Văn T , ông Diệp H , ông Nguyễn Đình T , ông Nguyễn Quốc P , ông Tống Duy L , ông Trần Văn N , ông Lê Thanh N và bà Đào Thị M đã trả đủ cho bị cáo, trong đó:

Tổng số tiền mà bị cáo bỏ ra cho những người trên vay là: 886.000.000 đồng; tổng số tiền lãi theo quy định (tương ứng 20%/năm) là 11.577.534 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với số tiền 886.000.000 đồng mà bị cáo cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vay được xác định là phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo đã nhận đủ số tiền này (người vay tiền) nên buộc bị cáo giao nộp lại số tiền này.

Đối với tổng số tiền lãi bị cáo đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định (tương ứng 20%/năm) là 11.577.534 đồng, tuy không tính để xác định trách nhiệm hình sự nhưng đây là khoản thu lợi phát sinh từ tội phạm mà có nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Lê Hữu T thu được từ việc cho vay lãi nặng (số tiền lãi trên 20%/năm) là 213.128.756 đồng. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: Ông Nguyễn Thành A , ông Nguyễn Tiến L , ông Trương Tấn P , ông Thạch Minh T1 , ông Hồ Minh P , ông Nguyễn Văn T , ông Diệp H , ông Nguyễn Đình T , ông Nguyễn Quốc P , ông Tống Duy L , ông Trần Văn N , ông Lê Thanh N và bà Đào Thị M khai nhận sử dụng vốn vay nhằm mục đích kinh doanh, chi tiêu sinh hoạt cá nhân nên buộc bị cáo trả lại cho những người này số tiền thu lợi bất chính, cụ thể từng người như sau:

Buộc bị cáo trả lại cho ông A số tiền 560.548 đồng; trả lại cho ông L số tiền 1.868.493 đồng; trả lại cho ông P số tiền 1.044.977 đồng; trả lại cho ông T1 số tiền 934.247 đồng; trả lại cho ông P số tiền 9.369.507 đồng; trả lại cho ông T số tiền 1.209.863 đồng; trả lại cho ông H số tiền 3.763.988 đồng; trả lại cho ông T số tiền 9.254.493 đồng; trả lại cho ông P số tiền 7.954.453 đồng; trả lại cho ông L số tiền 4.268.493 đồng; trả lại cho ông Nhân số tiền 960.411 đồng; trả lại cho ông N số tiền 2.991.324 đồng và trả lại cho bà M số tiền 168.821.918 đồng.

[11] Ngoài hình phạt chính là phạt tù, bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) phạt bị cáo một khoản tiền nhất định để nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 201; Điều 35; Điều 47; Điều 50; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 106; Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T 02 (hai) năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Hữu T cho Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Hữu T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Hữu T số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng:

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro màu xanh (vật chứng này đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh theo Biên bản giao nhận tang tài vật được lập vào ngày 15/01/2025 giữa Công an huyện Bình Chánh và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh).

Tạm giữ của bị cáo Lê Hữu T số tiền 1.800.000 đồng để bảo thi hành án đối với bị cáo trong vụ án này (số tiền này đang tạm giữ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi Nhánh Nam Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy nộp tiền đề ngày 15/01/2025).

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Lê Hữu T giao nộp lại số tiền 897.577.534 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Lê Hữu T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thành Â số tiền 560.548 đồng.

Buộc bị cáo Lê Hữu T có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Tiến L số tiền 1.868.493 đồng.

Buộc bị cáo Lê Hữu T có trách nhiệm trả lại cho ông Trương Tấn P số tiền 1.044.977 đồng.

Buộc bị cáo Lê Hữu T có trách nhiệm trả lại cho ông Thạch Minh T1 số tiền 934.247 đồng.

Buộc bị cáo Lê Hữu T có trách nhiệm trả lại cho ông Hồ Minh P số tiền 9.369.507 đồng.

Buộc bị cáo Lê Hữu T có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 1.209.863 đồng.

Buộc bị cáo Lê Hữu T có trách nhiệm trả lại cho ông Diệp H số tiền 3.763.988 đồng.

Buộc bị cáo Lê Hữu T có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Đình T số tiền 9.254.493 đồng.

Buộc bị cáo Lê Hữu T có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Quốc P số tiền 7.954.453 đồng.

Buộc bị cáo Lê Hữu T có trách nhiệm trả lại cho ông Tống Duy L số tiền 4.268.493 đồng.

Buộc bị cáo Lê Hữu T có trách nhiệm trả lại cho ông Lê Thanh N số tiền 960.411 đồng.

Buộc bị cáo Lê Hữu T có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Văn N số tiền 2.991.324 đồng.

Buộc bị cáo Lê Hữu T có trách nhiệm trả lại cho bà Đào Thị M số tiền 168.821.918 đồng.

Kể từ ngày ông Â, ông L, ông P, ông T, ông P1, ông T, ông H, ông T, ông P, ông L, ông N, ông N và bà M có Đơn yêu cầu thi hành án cho đến thi hành án xong

bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 6a, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đã giải thích án treo đối với bị cáo.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Phòng hồ sơ, CA TP. HCM PV06;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Sơn

